

Số: 01/2025/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 24 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYỀN QUANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hoàng Thị Vân.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 23/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2025 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2025.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ xã T, huyện Đ, tỉnh H (trước sáp nhập); người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Hội Liên hiệp phụ nữ xã Đ, tỉnh T1; địa chỉ Tổ 5, xã Đ, tỉnh T1.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Mua Thị M - Chức vụ: Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ, tỉnh T1. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Giàng Mí S, sinh năm 1986 và chị Lầu Thị M1, sinh năm 1979; Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh H (Nay là thôn T, xã Đ, tỉnh T1). Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 08/5/2025, cùng các tài liệu kèm theo đơn và tại phiên họp, người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự trình bày: Ngày 23/3/2004, Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện Đ, tỉnh H (nay là UBND xã Đ, tỉnh T1) thực hiện việc đăng ký kết hôn cho hai công dân là Giàng Mí S, sinh ngày 02/6/1986 và Lầu Thị M1, sinh ngày 01/01/1979; cùng trú tại thôn T B, xã T, huyện Đ, tỉnh H (nay là T, xã Đ, tỉnh T1). Khi thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã anh Giàng Mí S cung cấp bản photo Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu đều ghi anh S sinh ngày 02/6/1986 đã được đăng ký khai sinh tại UBND xã T (nay là UBND xã Đ) vào ngày 24/11/2001 (theo sổ đăng ký khai sinh quyển số 01, từ ngày 24/11/2001, số giấy khai sinh 103). Theo giấy đăng ký khai sinh thì anh Giàng Mí S, sinh ngày

02/6/1986 nhưng trong sổ đăng ký kết hôn anh S được cán bộ tư pháp ghi sinh năm 1980 và chị Lầu Thị M1 ghi chị M1 sinh ngày 01/01/1979.

Căn cứ vào Điều 6 Nghị định 123/2015/NĐCP ngày 15/11/2015 thì Giấy đăng ký khai sinh của anh Giàng Mí S là giấy tờ hộ tịch gốc, là cơ sở để xác định ngày, tháng, năm sinh chính xác của anh S. Theo đó tại thời điểm đăng ký kết hôn anh S chưa đủ 20 tuổi, vi phạm điểm a khoản 1 Điều 8 Luật HNGĐ năm 2014. Do vậy Hội Liên hiệp phụ nữ xã T, huyện Đ, tỉnh H (nay là Hội Liên hiệp phụ nữ xã Đ, tỉnh T1) đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Giàng Mí S và chị Lầu Thị M1 theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Giàng Mí S có ý kiến: Ngày 23/3/2004 anh chị Lầu Thị M1 đến UBND xã Đ, tỉnh T1 để đăng ký kết hôn, khi đến UBND xã để đăng ký kết hôn do không tìm thấy sổ hộ khẩu gia đình nên anh không mang theo giấy tờ tùy thân mà chỉ khai bằng miệng với công chức Tư pháp xã lúc đó. Do là người quen sống cùng thôn nên Công chức Tư pháp đã chủ quan không yêu cầu anh phải mang giấy tờ ra để đối chiếu kiểm tra mà đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh và chị M1. Anh xác định việc đăng ký kết hôn giữa anh chị M1 khi anh chưa đủ 20 tuổi là vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi. Nay Hội Liên hiệp phụ nữ xã Đ, tỉnh T1 yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị M1 là chính xác. Tuy nhiên đến nay anh và chị M1 đã đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, giữa hai anh chị không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác anh đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Lầu Thị M1 kể từ ngày anh đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Chị Lầu Thị M1 nhất trí với ý kiến của anh Giàng Mí S, đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị kể từ ngày anh Giàng Mí S đủ điều kiện kết hôn về độ tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ việc cho đến khi mở phiên họp và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, hợp tác tốt với Tòa án. Về quan điểm giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và mục 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Khoản 6 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; điểm d khoản 2 Điều 10; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 150 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d, khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh T1: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Hội Liên hiệp phụ nữ xã T, huyện Đ, tỉnh H (nay là xã Đ, tỉnh T1). Địa chỉ: Tổ 05, xã Đ, tỉnh H; Người đại diện theo pháp luật: Bà Mua Thị M - Chức vụ: Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã. Đề nghị hủy việc kết hôn

trái pháp luật giữa anh Giàng Mí S và Lầu Thị M1. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Giàng Mí S và Lầu Thị M1, quan hệ hôn nhân giữa anh Giàng Mí S và Lầu Thị M1 được xác lập từ thời điểm ngày 03/6/2006 là ngày anh Giàng Mí S từ đủ 20 tuổi là ngày đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật HNGĐ năm 2014. Về lệ phí: Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ, tỉnh T1 không phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn yêu cầu của Hội Liên hiệp phụ nữ xã Đ, tỉnh Tuyên Quang về việc yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Giàng Mí S và chị Lầu Thị M1 được Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và mục 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

[2] Về nội dung việc dân sự: Ngày 23/3/2004 anh Giàng Mí S và chị Lầu Thị M1 đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh H (nay là UBND xã Đ, tỉnh T1) thực hiện việc đăng ký kết hôn. Khi đó, chỉ có chị M1 đủ tuổi còn bản thân anh S chưa đủ tuổi kết hôn, anh S không mang theo giấy tờ tùy thân mà chỉ khai bằng miệng với với Công chức Tư pháp xã nên công chức Tư pháp đã chủ quan không yêu cầu anh phải mang giấy tờ ra để đối chiếu kiểm tra mà đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh và chị M1 dẫn đến sai sót. Việc UBND xã Đ, tỉnh T1 đăng ký kết hôn số 15 ngày 23/3/2004 cho anh Giàng Mí S và chị Lầu Thị M1 khi anh S chưa đủ 20 tuổi là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy Hội Liên hiệp phụ nữ xã T, huyện Đ, tỉnh H (nay là Hội Liên hiệp phụ nữ xã Đ, tỉnh T1) yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Giàng Mí S và chị Lầu Thị M1 là có căn cứ. Tuy nhiên đến nay anh S đã đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, giữa anh Giàng Mí S và chị Lầu Thị M1 không vi phạm điều kiện kết hôn nào, cả hai bên cùng có ý kiến đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân. Do vậy Tòa án căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Giàng Mí S và chị Lầu Thị M1 kể từ thời điểm anh Giàng Mí S đủ tuổi kết hôn (tức ngày 03/6/2006).

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ xã T, huyện Đ, tỉnh H (nay là Hội Liên hiệp phụ nữ xã Đ, tỉnh T1) không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo,

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8, điểm d khoản 2 Điều 10, khoản 1, 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Chấp nhận yêu cầu của Hội Liên hiệp phụ nữ xã T, huyện Đ, tỉnh H (nay là Hội Liên hiệp phụ nữ xã Đ, tỉnh T1).

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Giàng Mí S và chị Lầu Thị M1 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh H, nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh T1 cấp ngày 23/3/2004). Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Giàng Mí S và chị Lầu Thị M1 kể từ ngày 03/6/2006.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ xã T, huyện Đ, tỉnh H (nay là Hội Liên hiệp phụ nữ xã Đ, tỉnh T1) không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T1;
- VKSND khu vực 8 - T1;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, tỉnh T1;
- Lưu hồ sơ VDS, VP.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Vân